

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
TỈNH ĐẮK LẮK

Bản án số: 44/2024/DS-ST

Ngày 12/4/2024

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Đức Mạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Trung

Ông Dương Thanh Trung

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Y Khang Êban – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 12/4/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 797/2023/TLST-DS ngày 13 tháng 12 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2024/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 3 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 30/2024/QĐST-DS ngày 04/4/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đỗ Viết T - Sinh năm: 1950, địa chỉ: Số A đường H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt)

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Đỗ Viết T: Bà Hoàng Thị T1 – Trợ giúp viên pháp lý trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Đ. (Có mặt)

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Mạnh T2 (Có mặt), bà Bùi Thị Kim L (Vắng mặt), địa chỉ: Số A đường H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:**

Vào ngày 10/12/2020 ông T2 đến nhà ông T mượn số tiền 300.000.000đồng (ba trăm triệu đồng), đến ngày 13/01/2021 mượn thêm số tiền 200.000.000đồng (hai trăm triệu đồng), đến ngày 13/12/2022 mượn thêm số tiền

400.000.000đồng (bốn trăm triệu đồng). Tổng cộng số tiền đã mượn là: 900.000.000đồng (chín trăm triệu đồng), lãi suất là 1,6 % trên 1 tháng. Mẹ của ông T2 là bà Bùi Thị Kim L đưa cho ông T2 mang đến thế chấp cho ông T 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Bùi Thị Kim L. Đến ngày 15/3/2023, bà Bùi Thị Kim L sang nhà ông T lấy lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và nói đi vay ngân hàng trả tiền cho ông T, nhưng từ đó đến nay không trả được nợ. Tính từ tháng 11 năm 2022 đến tháng 11 năm 2023 tiền lãi xuất là 120.000.000đồng (một trăm hai mươi triệu đồng). Ông T2 mới trả cho ông T được số tiền 10.000.000đồng (mười triệu đồng) tiền lãi. Tính đến ngày 11/11/2023 ông T2 còn nợ ông T tổng cộng là : 900.000.000đồng tiền gốc + 110.000.000đồng tiền lãi = 1.010.000.000đồng (một tỷ không trăm mười triệu đồng).

Tại phiên tòa, ông T xác định yêu cầu khởi kiện như sau: Ông Đỗ Viết T yêu cầu ông Nguyễn Mạnh T2, bà Bùi Thị Kim L trả số tiền nợ gốc là 900.000.000đồng và lãi suất phát sinh là 1,1 % trên 1 tháng tính từ 01/01/2023 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm.

**** Quá trình tham gia tố tụng, tại phiên tòa bị đơn là ông Nguyễn Mạnh T2 trình bày:***

Ông Nguyễn Mạnh T2 thừa nhận số tiền vay theo 03 giấy vay tiền mà ông Đỗ Viết T cung cấp kèm theo đơn khởi kiện vào ngày 10/12/2020 với số tiền 300.000.000đồng, vào ngày 13/01/2021 với số tiền là 200.000.000đồng, vào ngày 13/12/2022 với số tiền là 400.000.000đồng. Ông Đỗ Viết T và ông Nguyễn Mạnh T2 thỏa thuận lãi suất 1,6%/tháng. Ông Nguyễn Mạnh T2 đã trả lãi đến tháng 12/2022, trả bằng tiền mặt, từ tháng 01/2023 đến nay ông T2 chưa trả được lãi đối với tổng số tiền nợ gốc 900.000.000đồng, do nhớ nhầm khi lấy lời khai nên lần trước ông T2 cho rằng trả lãi đến tháng 11/2022.

Ông Nguyễn Mạnh T2 đồng ý trả số tiền nợ gốc 900.000.000đồng cho ông Đỗ Viết T, phương thức trả là 5.000.000đồng/1tháng. Ông Nguyễn Mạnh T2 đồng ý về mức lãi suất 1,6%/1tháng từ tháng 01/2023 đến nay là chưa trả cho ông T, nhưng do kinh tế khó khăn nên xin không trả lãi nữa. Tại phiên tòa ông T chỉ yêu cầu mức lãi suất 1,1%/1tháng từ tháng 01/2023 đến nay thì ông T2 đồng ý.

**** Bị đơn là bà Bùi Thị Kim L đã được Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do và không tham gia tố tụng.***

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đầy đủ và thực hiện đúng với quy định của pháp luật.

- *Về nội dung:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Nguyễn Mạnh T2 và bà Bùi Thị Kim L liên đới trả nợ cho ông Đỗ Viết T số tiền số tiền nợ gốc là 200.000.000đồng và lãi suất phát sinh là 1,1%/1 tháng (tính từ ngày 01/01/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 12/4/2024) là 33.806.667đồng. Buộc ông Nguyễn Mạnh T2 trả nợ cho ông Đỗ Viết T số tiền số tiền nợ gốc là 700.000.000đồng và lãi suất phát sinh là 1,1%/1 tháng (tính từ ngày 01/01/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 12/4/2024) là 118.323.334đồng.

- *Về án phí:* Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và loại tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn bà Bùi Thị Kim L nhưng bà L vắng mặt không có lý do và không tham gia tố tụng. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà L theo quy định tại khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Quá trình tham gia tố tụng thì nguyên đơn là ông Đỗ Viết T; bị đơn là ông Nguyễn Mạnh T2 thừa nhận số tiền vay theo 03 giấy vay tiền mà ông Đỗ Viết T cung cấp kèm theo đơn khởi kiện vào ngày 10/12/2020 với số tiền 300.000.000đồng, vào ngày 13/01/2021 với số tiền là 200.000.000đồng, vào ngày 13/12/2022 với số tiền là 400.000.000đồng; mức lãi suất thỏa thuận bằng miệng là 1,6 % trên 1 tháng. Ông Nguyễn Mạnh T2 đã trả lãi đến tháng 12/2022, trả bằng tiền mặt, từ tháng 01/2023 đến nay ông T2 chưa trả được lãi đối với tổng số tiền nợ gốc 900.000.000đồng.

Tại phiên tòa, ông Đỗ Viết T chỉ yêu cầu lãi suất phát sinh là 1,1%/1 tháng và được ông Nguyễn Mạnh T2 chấp nhận.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Đối với quan điểm của ông Đỗ Viết T yêu cầu bà Bùi Thị Kim L liên đới trả nợ số tiền 900.000.000đồng (chín trăm triệu đồng). Xét thấy tại các giấy mượn tiền chỉ thể hiện người vay là ông Nguyễn Mạnh T2, tuy nhiên có sự việc bà L đưa “sổ đỏ” cho ông T2 để làm tin đảm bảo cho việc vay tiền; đến ngày 26/02/2023 bà L đồng ý hẹn ngày 15/3/2023 trả số tiền 200.000.000đồng cho ông

Đỗ Viết T nên ông T đã trả lại “sổ đỏ” cho bà L. Như vậy, có sự thỏa thuận giữa bà L và ông T về cam kết liên đới trả số tiền nợ gốc là 200.000.000đồng, nên cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện để buộc bà Bùi Thị Kim L và ông Nguyễn Mạnh T2 liên đới trả số tiền nợ gốc là 200.000.000đồng và lãi suất phát sinh là 1,1 % trên 1 tháng, cụ thể: $200.000.000\text{đồng} \times 1,1 \% \times (\text{tính từ ngày } 01/01/2023 \text{ đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày } 12/4/2024 \text{ là } 01 \text{ năm} + 03 \text{ tháng} + 11 \text{ ngày}) = 26.400.000\text{đồng} + 6.600.000\text{đồng} + 806.667\text{đồng} = 33.806.667\text{đồng}$.

Đối với số tiền nợ gốc 700.000.000đồng, do không có thỏa thuận trả nợ thay của bà Bùi Thị Kim L, vì vậy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T về việc buộc bà L liên đới trả nợ số tiền này. Cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Viết T để buộc ông Nguyễn Mạnh T2 trả số tiền nợ gốc là 700.000.000đồng và lãi suất phát sinh là 1,1 % trên 1 tháng, cụ thể: $700.000.000\text{đồng} \times 1,1 \% \times (\text{tính từ ngày } 01/01/2023 \text{ đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày } 12/4/2024 \text{ là } 01 \text{ năm} + 03 \text{ tháng} + 11 \text{ ngày}) = 92.400.000\text{đồng} + 23.100.000\text{đồng} + 2.823.334\text{đồng} = 118.323.334\text{đồng}$.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Nguyễn Mạnh T2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, cụ thể như sau: $900.000.000\text{đồng} + 33.806.667\text{đồng} + 118.323.334\text{đồng} = 1.052.130.001\text{đồng} = 36.000.000\text{đồng} + (252.130.001\text{đồng} \times 3\%) = 43.563.900\text{đồng}$. Nguyên đơn là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 220, Điều 227, Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 116, Điều 117, Điều 401, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện nguyên đơn là ông Đỗ Viết T.

Buộc ông Nguyễn Mạnh T2 và bà Bùi Thị Kim L liên đới trả nợ cho ông Đỗ Viết T số tiền nợ gốc là 200.000.000đồng và lãi suất phát sinh 1,1%/1 tháng (tính từ ngày 01/01/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 12/4/2024) là 33.806.667đồng.

Buộc ông Nguyễn Mạnh T2 trả nợ cho ông Đỗ Viết T số tiền nợ gốc là 700.000.000đồng và lãi suất phát sinh 1,1%/1 tháng (tính từ ngày 01/01/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 12/4/2024) là 118.323.334đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất thỏa thuận là 1,1%/tháng tương ứng với thời gian chậm trả.

[2] Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Viết T về việc buộc bà Bùi Thị Kim L liên đới trả nợ số tiền 700.000.000đồng và lãi suất phát sinh.

[3] Về án phí: Bị đơn ông Nguyễn Mạnh T2 phải chịu số tiền 43.563.900đồng án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn ông Đỗ Viết T là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP . BMT;
- CCTHADS TP.B;
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Vũ Đức Mạnh